

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 12 - 2019
“V/v: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và bà Hứa Thị Nhị.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1980; có mặt.

Địa chỉ: T29, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T ; sinh năm 1974; vắng mặt.

Địa chỉ: T29, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2019, các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T có đăng kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông vào ngày 16/3/1999. Việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Từ tháng 3/2006 đến nay thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống và các vấn đề khác không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Trong thời gian chung sống có với nhau 02 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh năm 1999 (nay đã trưởng thành) và Nguyễn Văn T3, sinh ngày 01/8/2007, hiện nay cháu T3

đang sinh sống cùng anh T, chị N tôn trọng ý kiến của cháu T3. Nay chị N thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Nguyễn vọng của Nguyễn Văn T3, sinh ngày 01/8/2007 xin được ở với anh T thì chị N đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Tại bản tự khai, các biên bản tố tụng khác bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Việc đăng ký kết hôn và con chung như chị N trình bày là đúng anh T không bổ sung gì thêm. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng thì do không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống; không thương yêu nhau, hiện nay, chị N và anh T sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Mặc dù, không sống chung, không còn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì mong muốn chị N về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái trưởng thành và cùng anh trả nợ. Trường hợp, chị N không đồng ý mà vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T xin nuôi cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 01/8/2007 đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:**

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng anh T chưa chấp hành tốt việc tham gia phiên tòa, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N;

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn T;

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn T3, sinh ngày 01/8/2007 cho anh Nguyễn Văn T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những yêu cầu kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện anh Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn hiện đang cư trú tại T29, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Chị N và anh T có đăng kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị N cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau; hiện nay chị N và anh T sống ly thân từ năm 2008, chị N không còn tình cảm với anh T, lời khai của các bên đương sự phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú (Tại bút lục ngày 26/11/2019). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung Nguyễn Văn T3, sinh ngày 01/8/2007. Quá trình giải quyết chị N đồng ý giao con chung cho anh T. Đồng thời, nguyện vọng của cháu T3 cũng xin được ở với anh T. Vì vậy HĐXX xét thấy về điều kiện kinh tế, điều kiện chăm sóc của anh T phù hợp với điều kiện để chăm sóc con cái nên giao con chung cho anh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của anh T không đồng ý ly hôn là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Chị N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp chị N lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của chị N.

Hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

[7] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về nội dung vụ án có cơ sở và căn cứ nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51; khoản 1 Điều 53, Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn T3, sinh ngày 01/8/2007 cho anh Nguyễn Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị N được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Trường hợp chị N lạm dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của chị N.

Hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết

3. Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002307 ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà